

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 243/2024/DS-ST

Ngày: 12-8-2024

*“V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hoàng;

Ông Nguyễn Chí Lin.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Khang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 890/2024/TLST-DS, ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 298/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 210/2024/QĐST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị Ngọc H, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Ô, Khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Bị đơn:

1. Bà Mai Trúc V, sinh năm 1980.

2. Ông Nguyễn Long D, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Kim C, sinh năm 1958.

2. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1957.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Người làm chứng: Ông Đặng Quốc V1, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Bà H có mặt; ông D, bà V, ông K, bà C, ông V1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Dương Thị Ngọc H trình bày như sau:

Theo giấy biên nhận đề ngày 01/01/2020, bà H có cho bà Mai Trúc V, ông Nguyễn Long D vay số tiền 200.000.000 đồng nhưng do bà Nguyễn Kim C và ông Nguyễn Văn K đứng ra ký giấy biên nhận và bà Mai Trúc V thừa nhận toàn bộ số tiền này do bà V vay của bà tại bản tự khai ngày 17/11/2022. Bà tiếp tục cho bà V, ông D vay số tiền 320.000.000 đồng theo giấy biên nhận do bà Mai Trúc V ký ngày 25/01/2021. Giấy biên nhận không thể hiện thời gian vay, lãi suất nhưng hai bên thỏa thuận bà cho vợ chồng ông D, bà V vay với mức lãi suất 3%/tháng.

Ngày 28/7/2022, bà có khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Nguyễn Long D, bà Mai Trúc V tại Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa buộc ông D, bà C trả lại cho bà số tiền vay 320.000.000 đồng và tiền lãi, kiện ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Kim C trả lại cho bà số tiền gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi.

Đến ngày 17/01/2022, bà Nguyễn Kim C và bà Mai Trúc V đều xác định khoản vay 200.000.000 đồng ngày 01/01/2020 mà bà C, ông K đứng ra ký giấy biên nhận mượn tiền của bà là khoản tiền vay của Mai Trúc V vay của bà 200.000.000 đồng. Bà cũng xác nhận khoản tiền 200.000.000 đồng mà bà C, ông K ký giấy nhận tiền ngày 01/01/2020 là khoản tiền bà cho bà M Trúc Vân vay, không phải ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Kim C vay 200.000.000 đồng, bà đã rút yêu cầu khởi kiện đối với ông K, bà C theo Thông báo thụ lý số 630/2022/TLST-DS ngày 25/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa do “Hợp đồng vay tài sản” giữa bà và bà Mai Trúc V không thể hiện thời hạn vay nên bà đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện và ngày 16/8/2023 Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa đã ra Quyết định số 174/2023/QĐST-DS đình chỉ giải quyết vụ án.

Nay bà khởi kiện yêu cầu bà Mai Trúc V và ông Nguyễn Long D có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền gốc vay là 520.000.000 đồng, tiền lãi tính theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm 12/8/2024, khấu trừ số tiền lãi 10.000.000 đồng bà đã nhận tháng đầu tiên của khoản vay 320.000.000 đồng.

Số tiền bà H cho vợ chồng ông D, bà V vay là tiền của cá nhân bà H, không liên quan đến các thành viên khác trong gia đình bà H.

Bị đơn bà Mai Trúc V vắng mặt nhưng có lời trình bày tại bản tự khai ngày 17/11/2022 như sau:

Ngày 25/01/2021 bà có vay của bà Dương Thị Ngọc H số tiền 120.000.000 đồng, không phải mượn số tiền 320.000.000 đồng. Cộng với khoản

tiền vay ngày 01/01/2020 là 200.000.000đồng tổng cộng là 320.000.000đồng. Đối với khoản vay 200.000.000đồng ngày 01/01/2020 có bà Nguyễn Kim C ký tên làm chứng là tiền bà H cho bà V vay, bà C không vay mượn số tiền nào của bà H.

Bà đã trả dần cho bà H được số tiền gốc 60.000.000đồng và 10.000.000đồng tiền lãi. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Long D vắng mặt nhưng có lời trình bày tại bản tự khai ngày 23/12/2022 như sau: Ông không biết khoản vay giữa vợ ông và bà Dương Thị Ngọc H, trong vụ án này ông không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án không triệu tập ông làm việc do ông bận việc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Kim C vắng mặt nhưng có lời trình bày tại bản tự khai ngày 22/12/2023 như sau:

Bà có chứng kiến việc bà Mai Trúc V có vay của bà Dương Thị Ngọc H số tiền 200.000.000đồng vào ngày 01/01/2020, bà V có trả cho bà H 4 lần vào 4 tháng số tiền 80.000.000đồng. Sau đó bà H có cho bà V vay thêm số tiền 200.000.000đồng, từ đó về sau bà không biết sự việc gì nữa. Bà không có liên quan gì đến việc vay mượn tiền giữa bà H và bà V, bà không có ý kiến gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn K vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không có ý kiến lời trình bày.

Tại phiên tòa nguyên đơn xác định không cung cấp chứng cứ, tài liệu mới, không yêu cầu triệu tập thêm người tham gia tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản được ký kết giữa bà Dương Thị Ngọc H và bà Mai Trúc V vào ngày 01/01/2020 và ngày 25/01/2021. Buộc bà Mai Trúc V có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Dương Thị Ngọc H tổng số tiền nợ gốc đã vay là 520.000.000đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0.83%/tháng tính từ ngày vay cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, căn trừ số tiền lãi 10.000.000đồng bà V đã trả cho bà H vào tháng đầu tiên của khoản tiền 320.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Dương Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu buộc ông Nguyễn Long D, bà Mai Trúc V phải liên

đổi trả lại cho bà H tổng số tiền gốc vay là 520.000.000đồng và tiền lãi. Bị đơn ông D, bà V cư trú tại huyện Đ, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn ông D, bà V; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông K, bà C và người làm chứng ông V1 vắng mặt lần thứ hai mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Về phạm vi giải quyết: Do trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Dương Thị Ngọc H yêu cầu ông D, bà V có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà H số tiền gốc đã vay là 520.000.000đồng, căn trừ số tiền 10.000.000đồng bà V đã trả cho bà H vào tháng đầu tiên và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày vay cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, không còn yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự xem xét giải quyết trong phạm vi yêu cầu của đương sự.

[1.4] Bà H xác định số tiền bà H cho vợ chồng ông D, bà V vay là tiền của cá nhân bà H, không liên quan đến các thành viên khác trong gia đình bà H, do đó Tòa án không đưa chồng của bà H vào tham gia tố tụng trong vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Dương Thị Ngọc H về yêu cầu trả tiền gốc vay là 520.000.000đồng theo các giấy “Biên nhận” vào các ngày 01/01/2020 và 25/01/2021 thấy rằng:

[2.1.1] Vào các ngày 01/01/2020 và 25/01/2021 giữa bà H và bà V có ký hai giấy “Biên nhận”, mục đích ký giấy biên nhận là để bà V vay tiền của bà H. Đối với giấy biên nhận ngày 01/01/2020 mặc dù do ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Kim C ký tên tại mục người mượn, tuy nhiên theo sự thừa nhận của bà H, bà V và bà C thì thực tế là bà H cho bà V vay số tiền 200.000.000đồng, không phải ông K, bà C vay của bà H, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm ký kết hợp đồng vay tiền các bên tham gia giao dịch đều có đủ năng lực hành vi dân sự và năng lực pháp luật dân sự, việc giao kết hợp đồng xuất phát từ ý chí tự nguyện của các bên, không bị ép buộc, mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên phù hợp với quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự. Do đó, có căn cứ xác định hai giấy mượn tiền với hình thức “biên nhận” được ký kết giữa bà H và bà V là có hiệu lực pháp luật.

[2.1.2] Ngay sau khi ký hợp đồng mượn tiền thì bà H đã giao đủ cho bà V tổng số tiền là 520.000.000 đồng vào các ngày 01/01/2020 và 25/01/2021. Hai bên không thỏa thuận thời gian vay tiền. Nhiều lần bà H có yêu cầu ông D, bà V

trả tiền cho bà H nhưng ông D, bà V không trả. Vào năm 2022, bà H khởi kiện ông D, bà V và được Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý số 630/2022/TLST-DS ngày 25/10/2022, đến ngày 16/8/2023 bà H rút yêu cầu khởi kiện do chưa đủ điều kiện khởi kiện.

[2.1.3] Bà V trình bày ngày 25/01/2021 có mượn của bà H số tiền 120.000.000đồng, cộng với số tiền 200.000.000đồng mượn ngày 01/01/2020 là 320.000.000đồng và bà V có trả dần cho bà H được số tiền 60.000.000 đồng, tuy nhiên bà V vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho việc bà V có trả tiền cho bà H, đồng thời lời trình bày của bà V không được bà H thừa nhận. Bà H chỉ thừa nhận có nhận của V số tiền lãi 10.000.000đồng, ngoài ra ông D, bà V chưa trả cho bà H thêm khoản tiền gốc, lãi nào. Do đó việc bà H yêu cầu ông D và bà V có nghĩa vụ liên đới hoàn trả số tiền nợ gốc vay 520.000.000đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự.

[2.2] Xét yêu cầu của bà H về việc yêu cầu ông D, bà V liên đới trả lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm, thấy rằng:

[2.2.1] Do bà V có ký hai giấy mượn tiền, có nhận tổng số tiền 520.000.000đồng từ bà H nên phải có trách nhiệm trả lãi theo quy định. Bà H trình bày mức lãi suất vay hai bên thỏa thuận là 3%/tháng nhưng không ghi vào trong “Biên nhận tiền”. Theo lời trình bày của bà V thì bà có trả cho bà H 10.000.000đồng tiền lãi, việc này được bà H thừa nhận là bà có nhận của bà V 10.000.000đồng tiền lãi của tháng đầu tiên của khoản tiền vay 320.000.000 đồng. Do đó có căn cứ để xác định hai bên có thỏa thuận về việc trả lãi suất vay.

[2.2.2] Tuy nhiên, bà H cho rằng mức lãi suất vay hai bên thỏa thuận là 3%/tháng, như vậy thì tiền lãi của khoản tiền vay 320.000.000 đồng là 9.600.000đồng không phải là 10.000.000đồng. Do đó, xác định hai bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trả lãi của bà H theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[2.2.3] Từ phân tích nêu trên có cơ sở để xác định hai giấy vay tiền giữa bà H và bà V là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi nên lãi suất được tính như sau:

* Đối với số tiền 320.000.000đồng:

- Tiền lãi tính từ ngày 25/01/2021 đến ngày 25/02/2021:

320.000.000đồng x 0,83%/tháng x 30 ngày là 2.656.000đồng.

Số tiền nhận 10.000.000đồng còn dư căn trừ vào số tiền gốc bà V đã nhận là 320.000.000đồng – 7.344.000 đồng là 312.656.000 đồng.

- Tiền lãi từ ngày 26/02/2021 đến ngày 12/8/2024:

312.656.000đồng x 0,83%/tháng x 03 năm 05 tháng 17 ngày là 107.866.320đồng.

* Đối với số tiền 200.000.000đồng: Tiền lãi từ ngày 01/01/2020 đến ngày 12/8/2024:

200.000.000đồng x 0,83%/tháng x 04 năm 07 tháng 11 ngày là 91.908.666đồng.

* Tổng số tiền ông D và bà V phải liên đới trả cho bà H là 312.656.000 + 200.000.000đồng + 107.866.320đồng + 91.908.666đồng là 712.430.986đồng.

[2.3] Về việc bà Dương Thị Ngọc H yêu cầu ông Nguyễn Long D và bà Mai Trúc V có nghĩa vụ liên đới trả tiền gốc, lãi cho bà H. Xét thấy, theo Công văn số 269/UBND-NC ngày 09/4/2024 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ xác nhận ông D và bà V có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H theo giấy chứng nhận kết hôn số 39/2004/TLKH ngày 14/6/2004, việc vay mượn tiền giữa bà H và bà V diễn ra trong thời kỳ hôn nhân giữa bà V và ông D. Bà V và ông D cũng không chứng minh đây là nợ riêng của bà V. Căn cứ quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là nợ chung của vợ chồng, nên có cơ sở buộc ông D, bà V có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà H.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị đơn ông D, bà V phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 271, Điều 273, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Ngọc H đối với bị đơn ông Nguyễn Long D, bà Mai Trúc V về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Nguyễn Long D và bà Mai Trúc V có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Dương Thị Ngọc H tổng số tiền là 712.430.986đồng (Bảy trăm mười hai triệu bốn trăm ba mươi nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng).

2. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Nguyễn Long D và bà Mai Trúc V phải liên đới chịu 32.497.239 đồng (Ba mươi hai triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm ba mươi chín đồng) sung vào ngân sách Nhà nước. Bà Dương Thị Ngọc H thuộc trường hợp được miễn án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Thắm